

Bản án số: 52/2018/DS-PT.

Ngày 27/7/2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn-
Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 27/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLPT-DS ngày 14/5/2018 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2018/QĐ-PT ngày 18/6/2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2018/QĐ-PT ngày 29/6 /2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 181, phố CTr, thị trấn CG, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn:

- Anh Dương Viết H2, sinh năm 1973, (Có mặt).

- Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1977 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 14, phố Hoàng Hoa Thám, thị trấn CG, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Triệu Thị H3, sinh năm 1989, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 402, tầng 4, chung cư G3c Vũ Phạm Hàm, Quận CGi, Thành phố Hà Nội.

3.2. Anh Tạ Văn Thành, sinh năm 1987, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- 3.3. Chị Đoàn Thị Nhung, sinh năm 1988, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Xóm Ngò, xã SV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang
4. Người kháng cáo: Anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06 /3/2017, và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Duy H1 trình bày: Vợ chồng anh có 01 mảnh đất diện tích thổ cư 318m² thuộc tờ bản đồ 16, số thửa 479 tại Thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc năm 2014 vợ chồng anh mua đấu thầu của UBND xã PhX, huyện YTh và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh. Năm 2015 anh có nhu cầu xây dựng nhà nghỉ 06 tầng. Trước khi thi công công trình, anh có làm đầy đủ các thủ tục như xin cấp phép xây dựng và đã được Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện YTh cấp phép xây dựng. Đến tháng 4/2015 anh thuê vợ chồng anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 xây dựng nhà nghỉ cho vợ chồng anh. Sau khi hai bên thỏa thuận thống nhất, ngày 19/4/2015 giữa anh với anh H2 có ký kết 01 hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ, cụ thể phía anh H2 xây dựng cho anh ngôi nhà 5 tầng trong đó diện tích 180m²/sàn x 5 sàn, giá 750.000 đồng/m². Thời gian thi công kể từ ngày 10/3/2015 âm lịch và hoàn thiện vào ngày 26/12/2015 âm lịch, trong trường hợp chậm thi công không đúng thời gian bàn giao thì phạt 10% giá trị hợp đồng, ngoài ra còn các điều khoản và cam kết khác đã được ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thi công, phía anh H2 không đảm bảo đúng theo hợp đồng đã ký kết và vi phạm hợp đồng, cụ thể:

- Tự ý bỏ thi công công trình.
- Không làm đúng theo thiết kế bản vẽ bao gồm:
 - + Toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 5 chưa đắp.
 - + 02 lò sưởi chưa xây.
 - + Còn 118 m² chưa ốp lát gạch nền và tường.
 - + Phần trát thô phía bên trong và bên ngoài nhà chưa xong.
 - + Chưa quét xi măng chống thấm.
 - + Phần cầu thang máy và cầu thang thường chưa trát.
 - + Đồ bê tông không đảm bảo kỹ thuật gây thủng mặt trần, hở chân sắt.
 - + Các cột bê tông ở tầng 1 chưa đổ bít các đầu sắt lại.

Tổng số tiền công anh đã ứng chi trả cho vợ chồng anh H2 số tiền 645.500.000 đồng và 35.000.000 đồng tiền giàn giáo treo trát ngoài. Tổng 695.500.000 đồng. Nhưng thực tế công trình anh H2 bỏ dở mới thi công được khoảng 75% thì số tiền tương ứng với công trình đã xây dựng khoảng 550.000.000 đồng và khoản tiền anh H2 làm thiệt hại công trình như trên khoảng 115.000.000 đồng.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh H2, chị M1 phải hoàn trả cho anh tổng số tiền ứng thừa và làm thiệt hại là 250.000.000 đồng; tiền vi phạm hợp đồng 10% của giá trị hợp đồng 80.000.000 đồng; Bồi thường nguyên vật liệu tăng mái là 52.000.000 đồng và tiền anh thuê giàn giáo hộ anh H2 35.000.000 đồng cùng 6.000.000 đồng anh thuê máy móc để mức móng hộ anh H2. Tổng số tiền anh yêu cầu vợ chồng anh H2 chị M1 phải bồi thường cho anh là 410.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Duy H1 vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện đòi anh H2 chị M1 phải bồi hoàn cho anh tiền vi phạm hợp đồng 10%/tổng giá trị công trình; trả tiền thuê hộ bộ giàn giáo treo 35.000.000 đồng; Anh chấp nhận việc vợ chồng anh H2 chị M1 thỏa thuận tại phiên tòa trả cho anh số tiền thuê hộ máy móc 2.000.000 đồng.

Riêng đối với 2 yêu cầu đó là trả lại tiền đã ứng thừa và làm thiệt hại nguyên vật liệu tăng mái anh xin rút yêu cầu vì xét thấy khoản tiền anh ứng trước cho vợ chồng anh H2 là vừa đủ so với khối lượng công việc anh H2 đã làm và khoản tiền bồi thường thiệt hại nguyên vật liệu tăng mái do đổ bê tông các đầu sắt chờ bị hở do anh không đề nghị được giám định kỹ thuật xây dựng nên anh không yêu cầu nữa.

Bị đơn: Anh Dương Viết H2 trình bày: Vào ngày 19/4/2015 anh có ký hợp đồng xây dựng nhà nghỉ cho anh Nguyễn Duy H1 ở thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình thi công từ tầng 1 đến tầng 6 do phía anh H1 không cung cấp đủ nguyên vật liệu cho anh đầy đủ dẫn đến việc thi công công trình bị chậm không đúng tiến độ, khi xây dựng đến tầng 4 thì không còn nguyên vật liệu để làm nên anh có bảo anh H1 chở vật liệu nhưng anh H1 không chở vì thế công trình tính đến nay vẫn còn dang dở chưa xây dựng xong. Đến tháng 6/2016 anh tạm dừng công trình không làm nữa vì lý do không có vật liệu để thi công. Việc anh H1 khai các hạng mục công trình còn dang dở là đúng, cụ thể như toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 5 chưa đắp; 02 lò sưởi chưa xây; Anh H1 mới ứng cho anh được số tiền 645.500.000 đồng (Sáu trăm bốn lăm triệu, năm trăm ngàn đồng) chứ không phải là 695.500.000 đồng (Sáu trăm chín lăm triệu, năm

trăm ngàn đồng), còn số tiền 6.000.000 đồng thuê máy móc, 35.000.000 đồng (Ba lăm triệu đồng) là do anh H1 tự ý thuê và tự trả tiền chứ không phải do anh nhờ.

Nay anh H1 yêu cầu vợ chồng anh phải trả lại số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) là khoản tiền ứng thừa so với công trình là không đúng và anh không đồng ý bồi thường thiệt hại phần công trình như toàn bộ yêu cầu của anh H1. Vì thực tế số tiền anh H1 ứng cho anh chưa đủ với khối lượng công trình thực tế, khi nào anh H1 thanh toán trả tiếp cho anh số tiền 100.000.000 đồng thì anh sẽ thi công trở lại cho anh H1.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Viết H2 giữ nguyên các yêu cầu trên và trình bày: Anh nhất trí với việc anh H1 xin rút 2 yêu cầu đối với vợ chồng anh là không yêu cầu trả lại tiền ứng thừa và không yêu cầu bồi thường nguyên vật liệu tăng mái và nhất trí hoàn trả anh H1 số tiền thuê máy móc đào móng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Riêng về yêu cầu phạt hợp đồng 10% và tiền thuê giàn giáo treo của anh H1 thì anh không nhất trí vì anh không nhờ anh H1 thuê hộ và trong hợp đồng cũng đã nêu rõ bên thuê phải chịu toàn bộ chi phí. Anh thừa nhận việc chưa xây 02 lò sưởi, chưa đắp phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 5 và bỏ dở công trình là sai nhưng do anh H1 không cung ứng đủ nguyên vật liệu cho anh nên anh mới dừng xây dựng, nay nếu anh H1 trả cho anh trước số tiền 100.000.000 đồng thì anh lại tiếp tục xây cho anh H1.

Chị Dương Thị Mơ (Vợ anh Dương Viết H2) là đồng bị đơn trình bày: Chị đồng ý như lời khai của anh H2 đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Triệu Thị H3 trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Duy H1, do công việc bận nên chị đã có giấy ủy quyền toàn bộ cho anh H1 là chồng tham gia vụ án từ đầu cho đến khi kết thúc vụ án. Việc vợ chồng chị có thuê vợ chồng anh H2 chị M1 xây dựng cho vợ chồng chị 01 ngôi nhà nghỉ tại Thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh, theo như hợp đồng xây dựng ký kết ngày 19/4/2015 thì phía vợ chồng anh H2 phải xây dựng cho vợ chồng chị ngôi nhà 6 tầng khoảng 900m², quy định đơn giá là 750.000 đồng/m². Thời gian thi công là ngày 10/3/2015 âm lịch và kết thúc vào ngày 26/12/2015 âm lịch.

Quá trình thi công do anh H2 và chị M1 làm không đúng như hợp đồng đã ký kết, tự ý bỏ dở công trình, mới làm xong được 70% giá trị hạng mục công trình. Do vợ chồng anh H2 chị M1 vi phạm hợp đồng đã ký kết nên chị yêu cầu phía vợ chồng anh H2, chị M1 phải bồi thường cho vợ chồng chị các khoản tiền vi phạm hợp đồng phạt 10%; Trả lại 140.000.000 đồng tiền công do tính thừa vì vợ chồng chị đã thanh

toán cho anh H2 645.000.000 đồng/ 805.000.000 đồng; Tiền thuê giáo treo hộ anh H2 35.000.000 đồng và bồi thường toàn bộ tiền phần chưa xây, ốp, trát, lát nền và phần chưa hoàn thiện xong còn bỏ dở. Tổng số tiền chị yêu cầu vợ chồng anh H2, chị M1 phải bồi thường cho vợ chồng chị là 300.000.000 đồng.

2. Anh Tạ Văn Thành trình bày: Anh với vợ chồng anh H1, chị H3 không phải họ hàng mà là do quen biết nhau từ trước. Vào tháng 5/2016 anh H1, chị H3 có ý định bán đất và tài sản trên đất ở thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh nên anh và vợ chồng anh H1 đã thỏa thuận mua bán nhà đất với nhau. Ngày 23/5/2016 vợ chồng anh H1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh thửa đất số 480 tờ bản đồ số 16 tại thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh diện tích 180 m² mang tên vợ chồng anh H1 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà 6 tầng, mỗi tầng diện tích 90 m² với giá là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Tiếp đến ngày 26/5/2016 anh lại mua tiếp phần đất trống liền kề còn lại và có ký hợp đồng mua đất thửa số 479 tờ bản đồ số 16 diện tích 138 m² giá mua là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Cả hai diện tích đất nêu trên và tài sản gắn liền với đất đều ở thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh. Sau khi anh mua xong, anh đã hoàn tất các thủ tục và chuyển sổ đỏ mang tên anh, riêng đối với ngôi nhà 6 tầng khi anh mua thì công trình đang xây dựng dở dang chưa xong.

Nay anh xác định toàn bộ tài sản trên đất và đất ở mà vợ chồng anh H1 chị H3 đã bán cho anh đã thuộc quyền sở hữu của anh. Việc anh H1 có tranh chấp hợp đồng xây dựng với vợ chồng anh H2 chị M1 ra Tòa án là quyền của anh H1 và là một việc khác, phía anh không có yêu cầu gì và cũng không đề nghị gì khác vì lý do hợp đồng xây dựng ký kết giữa các bên trước đó không liên quan gì đến anh. Do công việc bận nên anh không có thời gian đến Tòa, anh đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải, đối chất và phiên tòa xét xử của Tòa án.

3. Chị Đoàn Thị Nhung trình bày: Chị và vợ của anh Tạ Văn Thành, vào tháng 5/2016 chồng chị có mua của anh H1, chị H3 01 nhà nghỉ 6 tầng, mỗi tầng diện tích 90 m² trên diện tích đất ở 318 m² tại thôn Chẽ, xã PhX, huyện YTh với giá chuyển nhượng là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Sau khi mua xong, chồng chị đã hoàn tất các thủ tục và chuyển sổ đỏ mang tên anh Thành nhưng cụ thể thế nào thì chị không nắm được.

Nay anh H1 có tranh chấp hợp đồng xây dựng với vợ chồng anh H2 chị M1 ra Tòa án, phía vợ chồng chị không có liên quan gì và cũng không yêu cầu gì khác vì lý do hợp đồng xây dựng ký kết giữa các bên trước đó không liên quan gì đến vợ chồng chị và việc tranh chấp là quyền của anh H1.

Người làm chứng:

1. Anh Vi Văn L1, anh Mai Văn L2, anh Đào Quang H4, anh Nguyễn Văn B1, chị Trần Thị Nh1, anh Mã Xuân V1 đều trình bày: Các anh chị đều là thợ xây đi làm thuê cho anh Dương Viết H2 là cai xây dựng. Sau khi anh H2 nhận thầu xây dựng nhà nghỉ 6 tầng với anh H1 thì các anh chị được anh H2 gọi đến để làm, từ đầu khi xây dựng phần thô đến phần trát thì anh H1 cung cấp nguyên vật liệu rất đầy đủ, riêng đến phần cuối công trình, không hiểu lý do gì phía anh H1 lại cung cấp nguyên vật liệu không đủ dẫn đến thợ không đủ việc làm, nhiều người phải chuyển đi công trình khác.

2. Anh Liễu Văn M2 trình bày anh làm thuê cho anh H2 xây dựng nhà nghỉ cho anh H1, anh chỉ xây dựng đến tầng 3 thì anh chuyển đi làm công trình khác nên không biết từ tầng 4 đến tầng 6 thì nguyên vật liệu có thiếu hay không, còn từ tầng 1 đến tầng 3 khi anh xây ở đó thì nguyên vật liệu rất đầy đủ.

3. Anh Mai Xuân Th1 trình bày: Anh là người được anh H1 thuê trông coi công trình nhà nghỉ nên việc xây dựng công trình thì anh là người nắm rất rõ. Trong quá trình xây dựng anh là người quán xuyến vật liệu xây dựng thậm chí quán xuyến cả thợ làm, từ khi xây từ tầng 1 đến tầng 6 thì nguyên vật liệu không thiếu, có lúc sắp hết thì anh là người trực tiếp đi đến các đại lý mua cho thợ làm nên từ tầng móng đến tầng 6 chưa bao giờ phải để thợ xây phải dừng lại, phía anh H2 không đủ thợ làm rất thất thường, đi làm 1 đến 2 ngày rồi lại nghỉ, mỗi ngày chỉ có 2 - 3 thợ, còn đến phần hoàn thiện anh không hiểu tại sao phía anh H2 lại dừng lại không xây nữa.

4. Anh Thân Văn Ch1 trình bày: Anh là thợ xây làm thuê cho anh H2 do anh H2 nhờ anh H1 gọi, khi anh đến có gọi thêm 4 người nữa cùng làm, công trình nhà nghỉ đã xây xong toàn bộ phần thô đến tầng 6, anh chỉ làm thêm phần tum ở tầng trên cùng. Do anh làm vào dịp tết của năm 2015 nên đến tết thì anh và 4 người thợ của anh đều nghỉ không làm nữa và được anh H1 trực tiếp trả tiền công. Tại thời điểm anh làm thì anh thấy nguyên vật liệu rất đảm bảo không hề thiếu.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện YTh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 518 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 145; Điều 148; Điều 149 Luật xây dựng năm 2014. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H1 về yêu cầu phạt 10% vi phạm hợp đồng đối với anh Dương Viết H2.

1. Xử buộc anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Duy H1, chị Triệu Thị H3 số tiền 64.400.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Duy H1 đối với anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 phải trả lại tiền công ứng thừa.

3. Xử chấp nhận sự thỏa thuận anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 hoàn trả cho anh Nguyễn Duy H1, chị Triệu Thị H3 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là khoản tiền thuê máy móc.

4. Xử không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Duy H1 đối với anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 phải trả lại số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) là khoản tiền thuê giàn giáo treo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu Thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 05/4/2018, anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm xử buộc anh chị phải trả cho anh H1 chị H3 64.400.000 đồng tiền phạt 10% vi phạm hợp đồng và 3.840.000đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Tại phiên Toà phúc thẩm, anh Nguyễn Duy H1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H1 đòi phạt 10% giá trị hợp đồng số tiền 64.400.000đồng và 3.840.000đồng tiền chi phí tố tụng anh H2 chị M1 phải trả cho anh H1. Chấp nhận sự thỏa thuận anh H2 chị M1 trả anh H1 2.000.000đồng tiền thuê máy móc đào móng nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Triệu Thị H3, anh Tạ Văn Thành, chị Đoàn Thị Nhung đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] . Xét kháng cáo của anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm xử buộc anh chị phải trả cho anh H1 chị H3 64.400.000 đồng tiền phạt 10% vi phạm hợp đồng và 3.840.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản thì thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo của anh H2 Chị M1 không đồng ý với án sơ thẩm xử buộc anh chị phải trả cho anh H1 chị H3 64.400.000 đồng tiền phạt 10% vi phạm hợp đồng thì thấy: Căn cứ vào Hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ ghi ngày 19/4/2015 giữa anh Nguyễn Duy H1 là bên thuê thi công (gọi tắt là bên A) với bên nhận thi công xây dựng nhà nghỉ (gọi tắt là bên B) là anh Dương Viết H2 về hình thức và nội dung không trái pháp luật, là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của từng bên theo hợp đồng. Theo đó ngày bắt đầu thi công là ngày 10/3/2015 âm lịch và ngày hoàn thiện kết thúc thi công bàn giao công trình là ngày 30/11/2015 âm lịch. Toàn bộ các điều khoản trong hợp đồng đều thể hiện ý chí của từng bên và diện tích thực tế của công trình theo thỏa thuận của các bên bao gồm tăng thêm diện tích phần văng và tầng mái với tổng diện tích là 1.066,5 m². Tổng số tiền công để hoàn thiện toàn bộ công trình thì phía bên A anh H1 phải thanh toán cho bên B anh H2 là 805.375.000 đồng.

Quá trình thi công, phía anh Dương Viết H2 đã cho xây dựng toàn bộ phần thô từ tầng sảnh lên đến tầng 6 và đã nhận ứng tiền công do anh H1 thanh toán đến tháng 6/2016 với tổng số tiền theo giấy biên nhận là 645.500.000 đồng. Do các bên có mâu thuẫn về việc thanh toán tiền công nên anh H2 đã dừng không xây dựng tiếp cho anh H1 thời điểm từ tháng 6/2016. Anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 trình bày: Theo như hợp đồng đã ký kết để xây dựng giữa anh chị và anh H1 thì về phần diện tích và số tiền như trong hợp đồng là đúng. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng có làm phát sinh thêm phần văng trước và văng sau cho nên diện tích xây dựng có tăng lên khoảng 1.130 m², nếu theo hợp đồng đã ký thì phần diện tích xây

dựng được nhân giá đã ký số tiền khi kết thúc anh H1 phải thanh toán cho vợ chồng anh là 675.000.000 đồng và phía anh H1 đã ứng trước cho vợ chồng anh được số tiền 645.500.000 đồng. Như vậy tính đến nay so với khối lượng đã làm và số tiền anh H1 đã ứng cho vợ chồng anh chị thì là vừa đủ.

Xét các điều khoản trong hợp đồng: Tại Điều 1 bao gồm 5 phần đều thể hiện nội dung công việc; đơn giá; trách nhiệm công việc của từng bên; sự phối hợp; tiến độ thời gian bắt đầu thi công, thời gian bàn giao và giá trị của hợp đồng. Điều 2 của hợp đồng quy định chi tiết trách nhiệm nghĩa vụ của từng bên. Điều 3 về thanh toán theo đợt dựa theo khối lượng công việc đã hoàn thiện và Điều 4 là cam kết giữa các bên. Tuy nhiên mặc dù có việc ký kết hợp đồng nhưng giữa các bên lại thỏa thuận khác với hợp đồng đó là về thời gian bàn giao do diện tích thực tế của công trình có sự chênh lệch so với diện tích các bên đã ký kết.

Theo điều khoản được ký kết thì các bên có xuất trình cho Tòa án 01 Giấy biên nhận tiền công xây dựng do anh H1 thanh toán tiền cho anh H2, chị M1 đến ngày 26/8/2016 AL với tổng số tiền đã thanh toán là 645.500.000 đồng.

Tại biên bản đối chất giữa các bên ngày 13/12/2017 phía vợ chồng anh H2 chị M1 thừa nhận có vi phạm một phần hợp đồng là bề mặt tường trần, phào chỉ chưa đắp, chưa trát, chưa xây 02 lò sưởi và vi phạm về thời gian bàn giao công trình không đúng như hợp đồng đã ký kết vì lý do anh H1 không đáp ứng đầy đủ nguyên vật liệu. Phía nguyên đơn anh H1 cho rằng anh không vi phạm điều khoản gì của hợp đồng mà là anh H2 đã vi phạm toàn bộ hợp đồng đã ký kết từ Điều 1 đến Điều 3 của hợp đồng, cụ thể Điều 1 vi phạm về thời hạn bàn giao, Điều 2 vi phạm do không đảm bảo số lượng thợ, không thi công theo đúng bản vẽ thiết kế, vi phạm khi đổ bê tông không đảm bảo nên khi ghép cốt pha không chắc chắn dẫn đến phình bê tông, hở toàn bộ các đầu sắt chờ tầng mái, vi phạm bề mặt tường trần, phào chỉ chưa trát, chưa xây 02 lò sưởi và tại Điều 3 khi dừng công trình phía anh H2 đã ứng trước của anh tổng số tiền là 645.500.000 đồng là khoản tiền ứng nhiều hơn so với khối lượng đã hoàn thành.

Xét thấy: Các chứng cứ tài liệu được Tòa án sơ thẩm thu thập và do các đương sự cung cấp là những lời khai của những người làm chứng là những người trực tiếp được bên nhận thầu anh Dương Viết H2 thuê đều thể hiện: Thời điểm khi họ làm thuê cho anh H2 thì từ tầng sảnh cho đến tầng 5 đều đủ nguyên vật liệu, nhưng lên đến tầng 6 thì phía anh H1 không đảm bảo nguyên vật liệu cho thợ làm dẫn đến nhiều thợ phải nghỉ làm chỗ khác hoặc không có việc để làm. Còn các chứng cứ tài liệu do anh Nguyễn Duy H1 cung cấp là những giấy xác nhận của

những người làm chứng thì lại xác nhận công trình vẫn hoạt động bình thường, vật liệu xây dựng luôn đầy đủ, chỉ đến khi vợ chồng anh H2, chị M1 nghe tin phía anh H1 đã bán nhà cho người khác nên mới yêu cầu anh H1 phải thanh toán tiền công xong thì làm. Tuy nhiên lời khai của nhân chứng trong vụ án do các bên cung cấp đều khai không thống nhất cụ thể khi Tòa án tiến hành lấy lời khai xác minh ban đầu thì đều khai do vật liệu xây đến tầng 6 bị thiếu, nhưng sau đó có một số nhân chứng lại thay đổi lời khai khẳng định vật liệu xây dựng do bên A cung cấp không thiếu.

Căn cứ vào việc thẩm định, định giá tài sản và việc xác định cụ thể vật liệu xây dựng còn lại tại hiện trường thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng thẩm định ngày 06/10/2017 thì những phần hạng mục công trình chưa hoàn thiện bao gồm:

1. Tầng sảnh (tầng trệt):

- Cột sảnh tầng 1 chưa trát; 2m x 0,18m x 0,3m x 1,0m.
- Cột gian: 2m x 0,08m x 0,022m x 2,1m x 3 cột.
- 07 hộp kỹ thuật chưa làm (chưa xây, chưa trát).
- Bể nước, cửa bể chưa trát 0,7m x 0,7m x 0,6m.
- Rãnh nước, sốc sảnh chưa trát 4,3m x 0,32m x 0,35m.
- Nền nhà chưa đổ bê tông.
- Cầu thang đã xây chưa ốp lát = 15 bậc.

2. Tầng 2:

- Bếp chưa ốp, chưa lát.
- Phòng nghỉ chưa lát.
- Phòng vệ sinh còn 3 phòng chưa ốp lát.
- Phòng bảo vệ trần chưa trát, nền chưa lát, cửa chưa trát.
- Phòng lễ tân: Nền chưa lát.
- 02 lò sưởi chưa làm.
- Phào tường chưa trát.
- Cầu thang đã xây chưa trát.
- Má tường lên tầng 2 chưa trát.
- Cầu thang máy chưa trát.
- Cửa cầu thang chưa trát.

3. Tầng 3:

- Phòng vệ sinh chưa ốp 1/2 tường, chưa trát tường và mặt sàn.
- Phòng vệ sinh còn 1/2 chưa ốp lát, trần và tường chưa trát.

- Khu vệ sinh 2: Tường chưa ốp.
- Khu vệ sinh 3: Trần chưa trát, tường chưa trát.
- Khu vệ sinh 5: Trần chưa trát.
- Ban công chưa lát.
- Chưa lát nền nhà.

4. Tầng 4:

- Phòng ngủ + Khu vệ sinh chưa ốp lát.
- Hộp kỹ thuật chưa xây, trần khu vệ sinh chưa trát, tường sàn khu vệ sinh chưa trát.
- Khu vệ sinh từ phòng 1 đến phòng 5 của tầng 4 chưa trát.
- Cầu thang đã xây nhưng chưa ốp lát (chưa trát bậc).
- Nền chưa lát + sảnh ban công chưa lát gạch.
- Chưa lát nền nhà.

5. Tầng 5:

- Nền nhà chưa lát.
- Phòng xông hơi chưa ốp.
- Nền nhà chưa lát.

6. Tầng 6:

- Nền chưa lát.
- Khu vệ sinh chưa ốp lát.

7. Tum trên mái:

- Chưa trát trần.
- Khu vệ sinh chưa ốp lát.

8. Tầng mái:

- Chưa xây be cỏ trần.
- Ngói dán của tum chưa lợp.
- Toàn bộ cầu thang máy chưa trát.
- Các phào chỉ từ tầng trệt đến tầng 6 chưa trát.

Ngoài ra phía anh H1 và anh H2 đều thỏa thuận không thẩm định cầu thang bộ từ tầng 1 đến tầng 6.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 22/11/2017 thì tổng số tiền phải thuê nhân công để thực hiện được khối lượng công việc của công trình còn chưa hoàn thiện trên là 213.048.000 đồng, tương đương 20% giá trị công trình còn phải hoàn thiện theo giá thời điểm hiện tại.

Ngoài ra Hội đồng định giá còn định giá phần vật liệu còn tồn tại hiện trường chưa được sử dụng hết, cụ thể:

- Xi măng PC40 = 150 kg x 1.010 đồng = 151.500 đồng.
- Xi măng Visai PC40 = 50 kg x 1.150 đồng = 57.500 đồng.
- Đá 1x2 = 1m³ x 180.000đ = 180.000 đồng.
- Cát xây 9,5 m³ x 190.000đ = 1.805.000 đồng.
- Gạch lát nanô 60 x 60 = 8,2m³ x 308.200đ = 2.551.896 đồng.
- Gạch ốp vệ sinh 19,44 x 326.400đ = 6.345.216 đồng.
- Gạch lát gralít 300 x 300 = 6,12 x 162.700đ = 995.724 đồng.
- Gạch ốp tường 6,6m² x 326.400đ = 2.154.240 đồng.
- Gạch ốp tường 120 x 600 = 3,74 x 326.400đ = 1.222.042 đồng.
- Ngói vít 350 x 15.000đ = 5.250.000 đồng.

Tổng tiền vật liệu còn tồn là 20.713.118 đồng.

Như vậy, căn cứ vào bản hợp đồng thi công xây dựng nhà nghỉ của các bên ký kết được xác lập ngày 19/4/2015 thì cả 2 bên đều có lỗi. Mặc dù hợp đồng đã được ký kết quy định chặt chẽ từng điều khoản nhưng giữa anh H1 và anh H2 lại có sự thỏa thuận khác ngoài hợp đồng đó là khi công trình được xây dựng thì diện tích thực tế của công trình có sự chênh lệch hơn nhiều so với diện tích ký kết trong hợp đồng nên các bên có sự điều chỉnh về thời gian hoàn thiện cũng như về giá trị tiền công tăng lên nhưng không lập phụ lục hợp đồng, do vậy việc vi phạm hợp đồng cụ thể của từng bên được xác định như sau:

Về phần lỗi của bên A: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được điều tra, xác minh, cụ thể là lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ như lời khai anh Vi Văn L1, anh Mai Văn L2, anh Đào Quang H4, anh Nguyễn Văn B1, chị Trần Thị Nh1, anh Mã Xuân V1 là những người trực tiếp làm công cho anh Dương Viết H2 đều thể hiện trong khoảng thời gian thi công công trình thì thi thoảng phía nhà thầu (anh H1) còn xảy ra việc thiếu nguyên vật liệu hoặc chớ chậm dẫn đến có thời gian công nhân thiếu vật liệu để làm, các lời khai này đã được Tòa án xác minh cụ thể và hội đồng thẩm định đã thẩm định các nguyên vật liệu còn lại tại công trình thì số vật liệu bao gồm cát, xi măng, gạch ốp lát từ tầng 1 đến tầng 6 đều có nhưng đều để mỗi nơi một ít mà không tầng nào đủ để hoàn thiện xong cho tầng đó, do vậy phía anh H1 khẳng định mình không có lỗi là chưa hoàn toàn chính xác. Mặc dù anh Vi Văn L1, chị Trần Thị Nh1 và anh Mã Xuân V1 có thay đổi lại lời khai, tuy nhiên lời khai lại không đồng nhất và hiện tại những người này đều đã chuyển công việc khác do giữa anh H1 và anh H2 bất đồng. Do đó có cơ sở để khẳng định phía anh H1 cũng có một phần lỗi, cũng đã vi phạm một phần của hợp đồng do các bên đã ký kết theo phần 1 của Điều 2 đó là về trách nhiệm chưa đảm bảo đầy đủ liên tục vật tư để bên B thi công và vi

phạm về thời gian bàn giao hợp đồng đó là anh H1 cũng đã tự nguyện đồng ý để anh H2 kéo dài thời hạn bàn giao.

Về phần lỗi của bên B:

1. Chưa xây 02 lò sưởi tầng 1:

+ Công xây lò sưởi: khối lượng gạch chỉ đặc $2,70998\text{m}^3$ x giá nhân công 591.606 đồng = 1.603.134 đồng.

+ Công trát lò sưởi: khối lượng $10,0716\text{ m}^2$ x giá nhân công 110.688 đồng = 1.114.805 đồng.

+ Công ốp khối lượng $7,3944\text{m}^2$ x giá nhân công 119.544 đồng = 883.956 đồng.

Tổng 3.601.800 đồng.

2. Chưa đắp toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 đến tầng 6: Công trát, đắp phào kép toàn diện tầng, trong nhà: Khối lượng $1,236.9960\text{m}$ x giá nhân công 57.833 đồng = 71.539.100 đồng.

Toà sơ thẩm đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định và định giá toàn bộ diện tích đã thi công là $1.066,5\text{m}^2 \times 750.000\text{đ}/\text{m}^2 = 779.875.000$ đồng, Diện tích bề phốt $11\text{m}^3 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^3 = 5.500.000$ đồng. Tổng 805.370.000 đồng. Phía anh H1 đã thanh toán trả cho anh H2 theo giấy biên nhận do hai bên ký kết với số tiền là 645.500.000 đồng. Căn cứ vào kết quả thẩm định và định giá của Hội đồng định giá thì khối lượng công việc do bên B mới hoàn thành được 80% tương đương số tiền công là 644.200.000 đồng và khối lượng công việc còn lại chưa hoàn thành 20% thì tương đương 161.000.000đ, như vậy số tiền công anh H2 đã nhận tương đương với khối lượng đã hoàn thành.

Về yêu cầu phạt 10% giá trị hợp đồng: Xác định 10% giá trị hợp đồng là 80.500.000đồng. Xét về lỗi vi phạm hợp đồng thì cả 2 bên đều có lỗi, bên B anh Dương Viết H2 đã vi phạm cụ thể chưa xây 02 lò sưởi và chưa đắp toàn bộ phào chỉ từ tầng 1 lên đến tầng 6. Mặt khác khối lượng công việc anh H2 mới hoàn thành được 80% và đã được anh H1 trả đủ tiền nên phần khối lượng công việc còn lại 20% nếu căn cứ theo hợp đồng thì anh H2 phải tiếp tục xây dựng thì mới được anh H1 thanh toán tiếp tiền còn lại, việc không tiếp tục xây dựng công trình mà tự ý chấm dứt hợp đồng không thông báo trước của anh H2 là vi phạm Điều 145 Luật xây dựng 2014. Bên A anh Nguyễn Duy H1 cũng có lỗi là về thời gian bên B thi công đến tầng 6, do anh H1 chưa đảm bảo đủ nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, mặt khác đang trong giai đoạn thi công thì ngày 23/5/2016 vợ chồng anh H1 đã bán cho vợ chồng anh Thành và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là công trình đang thi công dở

nhà nghỉ 6 tầng với trị giá là 1.200.000.000đồng và đã hoàn tất thủ tục sang tên anh Tạ Văn Thành mà không thông báo cho anh H2 biết. Đối chiếu với vi phạm của từng bên thì lỗi của bên A và bên B bằng nhau (50/50). Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh H2 chị M1 để sửa án sơ thẩm cụ thể anh H1 phải chịu 40.250.000đồng, anh H2 phải chịu 40.250.000đồng. Cần buộc anh H2 và chị M1 phải liên đới bồi thường cho anh H1 40.250.000đồng.

[2.2] . Đối với kháng cáo của anh H2 chị M1 về tiền chi phí định giá tài sản thì thấy: Quá trình Tòa án giải quyết, phía Nguyễn Duy H1 có đơn yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và đã nộp chi phí cho việc thẩm định, định giá của Hội đồng thẩm định định giá với tổng số tiền là 4.800.000 đồng. Do cả anh H1 và anh H2 đều có lỗi nên phía anh H1 phải chịu 50% = 2.400.000 đồng; Anh H2 phải chịu 50% = 2.400.000 đồng. Buộc anh H2, chị M1 phải hoàn trả cho anh H1 số tiền này.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng của Toà sơ thẩm Hội đồng xét xử thấy: Toà sơ thẩm xác định chị Hoàng Thị M1 là bị đơn là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ Luật tố tụng dân sự vì chị M1 không tham gia ký kết hợp đồng xây dựng cùng anh H2 mà chỉ có anh H2 và anh H1 ký kết với nhau, chị M1 cũng không tham gia xây dựng nhà nghỉ cùng anh H2 nên chị M1 chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ Luật tố tụng dân sự Toà sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi xác định tư cách người tham gia tố tụng khi giải quyết vụ án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do xác định lại số tiền phạt theo hợp đồng của các bên nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo mức độ lỗi của số tiền các bên phải chịu. Ngoài ra anh H1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được Toà án chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện cụ thể: Anh H2 chị M1 phải chịu 40.250.000đồng x 5% = 2.012.500đồng. Anh H1 phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 40.250.000đồng lỗi do vi phạm hợp đồng, 35.000.000đồng đối với yêu cầu đòi bồi thường giàn giáo không được chấp nhận tổng cộng 75.250.000đồng x 5% = 3.762.500đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.800.000đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh H2, chị M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 157; Điều 165 Bộ luật TTDS. Điều 518 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 145; Điều 148; Điều 149 Luật xây dựng năm 2014. Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1, sửa bản án sơ thẩm.

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H1 về yêu cầu phạt 10% vi phạm hợp đồng đối với anh Dương Viết H2.

- Buộc anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Duy H1, chị Triệu Thị H3 số tiền 40.250.000 đồng (Bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[2]. Về tiền chi phí tố tụng: Anh Dương Viết H2 và chị Hoàng Thị M1 phải hoàn trả cho anh Nguyễn Duy H1 số tiền 2.400.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

[3]. Án phí sơ thẩm: Anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 phải chịu 2.012.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Duy H1 phải chịu 3.762.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.800.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2012/02077 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh. Hoàn trả anh H1 số tiền 2.037.500đ (Hai triệu, không trăm ba bảy ngàn, năm trăm đồng đồng).

Án phí phúc thẩm: Anh Dương Viết H2, chị Hoàng Thị M1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh H2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004165 ngày 05/4/2018, Hoàn trả chị M1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004166 ngày 05/4/2018, đều tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Hiền+ Ong Thân Thắng.

Nguyễn Gia Lương